

Bản án số: **727/2018/DS-PT**
Ngày: 09-8-2018
V/v tranh chấp nợ hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Quốc Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Thor

Bà Mai Thị Thanh Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Long – Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 390/2017/TLPT-DS ngày 13 tháng 9 năm 2017 về việc “*Tranh chấp nợ hui*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 296/2017/DS-ST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3048/2018/QĐ-PT ngày 06/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 5954/QĐ-PT ngày 23/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Thùy L, sinh năm 1974

Địa chỉ: 124/36A XVNT, Phường 21, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1978 (có mặt)

(Theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 16077, quyển số 10 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 10/10/2017 tại Văn phòng Công chứng Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh)

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn P, sinh năm 1970

Địa chỉ: 79 HP, Phường 8, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Quách Thị Tú K, sinh năm 1975 (có mặt)

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng: 11542, quyển số 12TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 12/12/2017 tại Văn phòng Công chứng Hoàng Xuân Hoan, Thành phố Hồ Chí Minh)

3. Người làm chứng:

- 3.1. Ông Cao Hà Quốc S, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Địa chỉ: 124/36F XVNT, Phường 21, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 3.2. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1957 (vắng mặt)
Địa chỉ: 112/22/17/2 DTH, Phường 1, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 3.3. Ông Võ Minh S, sinh năm 1987 (vắng mặt)
Địa chỉ: 81/3B XVNT, Phường 21, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 3.4. Ông Huỳnh Minh P, sinh năm 1976 (vắng mặt)
Địa chỉ: 82B/7 PXH, Phường 17, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 3.5. Bà Phạm Thị Kim H, sinh năm 1970 (vắng mặt)
Địa chỉ: 128 XVNT, Phường 21, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 3.6. Ông Nguyễn Đức Q, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Địa chỉ: 84 DVC, Phường Linh K, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 3.7. Ông Phạm Hồng M, sinh năm 1981 (vắng mặt)
Địa chỉ: 4A NTT, Phường 22, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 10 năm 2016 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà L trình bày:

Bà L làm chủ thảo hội và ông Phạm Văn P là hội viên có tham gia chơi hội. Sau khi tham gia 9 dây hội các loại, ông P đã hốt hội nhưng không đóng hội hàng tháng, do đó còn nợ lại tiền hội chết chưa đóng, cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất, mở ngày 20/5/2015 kết thúc ngày 20/4/2016, ông Phạm Văn P tham gia một phần hội tháng loại 10.000.000 đồng, 12 tháng. Ông P đã hốt đầu vào ngày 20/05/2015 nhận số tiền là 68.900.000 đồng. Theo thể thức chơi hội, ông P phải đóng 11 tháng hội chết là 110.000.000 đồng nhưng ông P chỉ đóng được 5 tháng là 50.000.000 đồng, còn lại 6 tháng hội chết chưa đóng là 60.000.000 đồng.

Dây hội thứ 2, mở vào ngày 10/7/2015 kết thúc ngày 10/6/2016, ông Phạm Văn P tham gia một phần hội tháng loại 10.000.000 đồng, 12 tháng. Ông P đã hốt đầu vào ngày 10/7/2015 nhận số tiền là 65.950.000 đồng. Theo thể thức chơi hội, ông P phải đóng 11 tháng hội chết là 110.000.000 đồng nhưng ông P chỉ đóng được 6 tháng là 60.000.000 đồng, còn lại 5 tháng hội chết chưa đóng là 50.000.000 đồng.

Dây hội thứ 3, mở ngày 25/7/2015 kết thúc ngày 25/6/2016, ông Phạm Văn P tham gia một phần hội tháng loại 10.000.000 đồng, 12 tháng. Ông P đã hốt hội ở tháng thứ 3 vào ngày 25/9/2015 nhận số tiền là 78.000.000 đồng. Theo thể thức chơi hội, ông P phải đóng 9 tháng hội chết là 90.000.000 đồng nhưng ông P chỉ đóng được 4 tháng là 40.000.000 đồng, còn lại 5 tháng hội chết chưa đóng là 50.000.000 đồng.

Dây hội thứ 4, mở ngày 15/9/2015 kết thúc ngày 15/8/2016, ông Phạm Văn P tham gia một phần hội tháng loại 10.000.000 đồng, 12 tháng. Ông P đã

hốt ở tháng thứ 2 vào ngày 15/10/2015 nhận số tiền là 74.000.000 đồng. Theo thể thức chơi hụi, ông P phải đóng 10 tháng hụi chết là 100.000.000 đồng nhưng ông P chỉ đóng được 3 tháng là 30.000.000 đồng, còn lại 7 tháng hụi chết chưa đóng là 70.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 5, mở ngày 10/10/2015 kết thúc ngày 10/9/2016, ông Phạm Văn P tham gia một phần hụi tháng loại 10.000.000 đồng, 12 tháng. Ông P đã hốt đầu vào ngày 10/10/2015 nhận số tiền là 67.600.000 đồng. Theo thể thức chơi hụi, ông P phải đóng 11 tháng hụi chết là 110.000.000 đồng nhưng ông P chỉ đóng được 3 tháng là 30.000.000 đồng, còn nợ lại 8 tháng hụi chết chưa đóng là 80.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 6, mở vào ngày 15/11/2015 kết thúc ngày 15/10/2016, ông Phạm Văn P tham gia một phần hụi tháng loại 10.000.000 đồng, 12 tháng. Ông P đã hốt đầu vào ngày 15/11/2015 nhận số tiền là 72.000.000 đồng. Theo thể thức chơi hụi, ông P phải đóng 11 tháng hụi chết là 110.000.000 đồng nhưng ông P chỉ đóng được 2 tháng là 20.000.000 đồng, còn lại 9 tháng hụi chết chưa đóng là 90.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 7, mở vào ngày 30/11/2015 kết thúc ngày 30/10/2016, ông Phạm Văn P tham gia một phần hụi tháng loại 10.000.000 đồng, 12 tháng. Ông P đã hốt ở tháng thứ 2 vào ngày 30/12/2015 nhận số tiền là 72.000.000. Theo thể thức chơi hụi, ông P phải đóng 10 tháng hụi chết là 100.000.000 đồng nhưng ông P chỉ đóng được 1 tháng là 10.000.000 đồng, còn nợ lại 9 tháng hụi chết là 90.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 8, mở ngày 05/12/2015 kết thúc ngày 05/11/2016, ông Phạm Văn P tham gia một phần hụi tháng loại 10.000.000 đồng, 12 tháng. Ông P đã hốt đầu vào ngày 05/12/2015 nhận số tiền là 68.150.000 đồng. Theo thể thức chơi hụi, ông P phải đóng 11 tháng hụi chết là 110.000.000 đồng nhưng ông P chỉ đóng được 3 tháng là 30.000.000 đồng, còn lại 8 tháng hụi chết chưa đóng là 80.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 9, mở ngày 09/12/2015 kết thúc ngày 09/02/2017, ông Phạm Văn P tham gia một phần hụi tháng loại 50.000.000 đồng, 15 tháng. Ông P đã hốt đầu vào ngày 09/12/2015 nhận số tiền là 444.000.000 đồng. Theo thể thức chơi hụi, ông P phải đóng 14 tháng hụi chết là 700.000.000 đồng nhưng ông P chỉ đóng được 3 tháng là 150.000.000 đồng, còn lại 11 tháng hụi chết chưa đóng là 550.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ hụi ông P còn thiếu là 1.120.000.000 đồng. Tại tòa bà Hà làm đại diện cho bà L yêu cầu ông P trả toàn bộ số tiền nợ hụi trên, trả ngay một lần khi án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Phạm Văn P trình bày: Ông Phạm Văn P thừa nhận có tham gia chơi hụi do bà L làm chủ thảo và ông có tham gia tổng cộng là 9 dây hụi và đã hốt hụi như trình bày của nguyên đơn là đúng. Tuy nhiên, ông P cho rằng số tiền nợ của từng dây hụi mà ông P thiếu không đúng như nguyên đơn yêu cầu, mỗi dây hụi ông còn nợ một

ít, tổng số tiền nợ hui ông thiếu của 9 dây hui là khoảng 400.000.000 đồng. Sau khi bà L khởi kiện ông có trả được 30.000.000 đồng nên hiện tại ông chỉ còn nợ số tiền là 370.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị được trả góp dần hàng tháng đến khi hết nợ.

Người làm chứng gồm các ông, bà: Cao Hà Quốc S, Nguyễn Thị Kim C, Võ Minh S, Huỳnh Minh P, Phạm Thị Kim H, Nguyễn Đức Q, Phạm Hồng M trình bày tại bản tự khai và tại phiên tòa như sau: Các ông, bà là hui viên cùng chơi chung với ông P trong các dây hui do bà L tổ chức có liên quan trong vụ án này. Tuy nhiên, các dây hui hiện nay đã kết thúc, bà L đã giao hui đầy đủ cho các hui viên nên giữa các hui viên và bà L không có tranh chấp. Việc ông P nợ tiền hui của bà L và số tiền nợ là bao nhiêu thì các ông, bà hoàn toàn không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 296/2017/DS-ST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Thùy L

Buộc ông Phạm Văn P có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Ngọc Thùy L số tiền nợ hui là 1.120.000.000 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi triệu đồng), trả một lần ngay khi án phát sinh hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 45.600.000 đồng.

Bà Nguyễn Ngọc Thùy L không phải chịu án phí, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.800.000 đồng theo biên lai thu số 0009219 ngày 03/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 15/8/2017, ông Phạm Văn P làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy án sơ thẩm do bản án sơ thẩm gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà K trình bày:

Ông P kháng cáo bản án sơ thẩm vì những lý do sau:

- Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng những quy định của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường để xác định làm rõ việc ông P tham gia 09 dây hui của bà Nguyễn Ngọc Thùy L thực chất là chơi hui thật hay dựng hui để chiếm đoạt tài sản, nếu là hành vi tổ chức hui để cho vay nặng lãi nhằm chiếm đoạt tài sản là hoàn toàn bị nghiêm cấm theo khoản 2 Điều 2 của Nghị định này. Trong nghị định quy định rõ về nội dung của hui bao gồm: người chủ họ, những người tham gia, phần họ,

kỳ mở hộ, thể thức góp và lĩnh hộ, quyền và nghĩa vụ của người tham gia cũng như quy định về nội dung của sổ hộ cũng như nghĩa vụ công bố sổ hộ của chủ hộ. Như vậy, những người tham gia hộ phải quen biết nhau và thống nhất thể thức hoạt động của hộ một cách cụ thể rõ ràng để tránh trường hợp dựng hộ để chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên trong quá trình lấy lời khai tại Tòa cấp sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện sơ sài khi lấy lời khai của những người tham gia hộ không đầy đủ, không chính xác, không có biên bản đối chất của những người tham gia trong mỗi dây hụi của bà L.

Ông P tham gia 9 dây hụi của bà L nhưng trong hồ sơ lấy lời khai các thành viên tham gia hụi chỉ thể hiện các bản tự khai sau:

- + Bản tự khai ông Nguyễn Đức Q khai tham gia dây hụi 50.000.000 đồng ngày 09/12/20015.

- + Bản tự khai Phạm Hồng M khai tham gia dây hụi 10.000.000 đồng ngày 10/7/2015.

- + Bản tự khai Huỳnh Minh P khai tham gia dây hụi 10.000.000 đồng ngày 10/10/2015, 15/9/2015, 20/8/2015, 10/7/2015.

- + Bản tự khai Võ Minh S khai tham gia dây hụi 10.000.000 đồng ngày 25/7/2015.

- + Bản tự khai Cao Hà Quốc S khai tham gia dây hụi 10.000.000 đồng ngày 10/7/2015, 15/09/2015 và dây hụi 50.000.000 đồng ngày 09/12/2015.

- + Bản tự khai Nguyễn Thị Kim C khai tham gia dây hụi 10.000.000 đồng ngày 30/11/2015 và ngày 05/12/2015.

- + Bản tự khai Phạm Thị Kim H khai tham gia dây hụi 10.000.000 đồng ngày 20/7/2015 và ngày 10/7/2015.

Những bản tự khai nêu trên không thể hiện đầy đủ việc có tồn tại 9 dây hụi cùng lúc với đầy đủ thành viên tham gia theo quy định của Nghị định 144/NĐ-CP. Việc nhiều dây hụi thàng mở ra cách nhau chỉ 15, 20 ngày với hoạt động tổ chức không rõ ràng, chỉ tính lãi bỏ hụi thì có đủ căn cứ để thấy rằng bà L đã lợi dụng chính sách của Nhà nước ta tôn trọng tập quán tốt đẹp để dựng hụi nhằm cho vay lãi cao, chiếm đoạt tài sản. Với mỗi dây hụi 10.000.000 đồng/tháng, bà L cho ông P hốt đầu với mức lãi hụi trung bình là 3.500.000 đồng thì mức lãi là 35%/năm, và ông P bị bà L buộc phải tiếp tục hốt hụi của dây hụi sau nộp hụi cho dây hụi trước và phần tiền hụi nộp cho bà L lại tiếp tục tính lãi, lãi mẹ chồng lãi con, thực chất ông P không nhận tiền trong tất cả các dây hụi. Với 9 dây hụi cùng lúc như vậy thì ông P phải có số tiền một tháng 140 triệu đồng để đóng hụi và bà L biết rõ điều này.

- Với mức lãi suất cao như trên, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 10 Nghị định 144/NĐ-CP quy định mức lãi suất tối đa của hụi. Ngoài ra, tại phần quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 nhưng hoàn toàn không áp dụng.

- Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào những bản tự khai, những sổ hụi do bà L tự ghi, tự đánh dấu để cho rằng ông P nợ hụi với số tiền lớn như vậy là không có căn cứ. Như vậy là thừa nhận số tiền nợ hụi trên của ông P theo Biên bản số 05/BB-UBND lập ngày 06/10/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận X trong khi biết rõ Biên bản này không có hiệu lực. Biên bản 05/BB-UBND ngày 06/10/2016 là không có hiệu lực, không thể được xem xét là chứng cứ bởi vì khi ông P ký Biên bản tại phường thì ông P đã ký từng trang. Nhưng trong Biên bản 05/BB-UBND đã không tồn tại trang có chữ ký của ông P mà chỉ có những trang được đóng dấu giáp lai của phường để xem như là hợp pháp. Vậy biên bản mà ông P đã ký tại phường thực tế đang ở đâu. Việc này ông P đã nhiều lần gửi đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận X nhưng chưa được giải quyết thì Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử, không đợi sự giải quyết từ cơ quan có thẩm quyền. Bà thừa nhận nhận tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm thì ông P cũng không có khiếu nại nào khác đối với Biên bản 05/BB-UBND so với thời điểm xét xử sơ thẩm.

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn thì với sự giúp đỡ của bạn bè, ông P có thể thanh toán cho bà L 400.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng. Đề nghị phía bà L chấp nhận yêu cầu này.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Trong quá trình giải quyết tại Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận X, được thể hiện bằng Biên bản số 05/BB-UBND ngày 06/10/2016 của Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận X có chữ ký xác nhận của ông P và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân Quận X, ông P đã nhiều lần thừa nhận có tham gia chơi 09 dây hụi và còn nợ bà L tổng số tiền nợ hụi là 1.120.000.000 đồng. Do đó, việc ông P kháng cáo cho rằng đây là những dây hụi ma và số tiền nợ hụi còn lại của bà L không phải là 1.120.000.000 đồng là không có căn cứ.

Việc ông P yêu cầu được thanh toán 400.000.000 đồng cho bà L, ông không đồng ý vì bà L chỉ ủy quyền cho ông yêu cầu ông P phải trả đủ số tiền nợ hụi là 1.120.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật. Còn việc thi hành án thế nào khi bản án có hiệu lực pháp luật sẽ do bà L và ông P tự thỏa thuận.

Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Chủ tọa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật, những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định.

Về nội dung: Tại Bản tự khai ngày 17/11/2016 (Bút lục số 101) ông P thừa nhận có tham gia chơi hụi với bà L; Tại Biên bản phiên họp kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 09/01/2017 (*Bút lục 113-115*); Tại Biên bản đối chất ngày 13/3/2017 (*Bút lục số 118-119*) và tại Biên bản số 05/BB-UBND ngày 06/10/2016 của Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận X, ông P thừa nhận có chơi đủ 09 dây hụi như nguyên đơn đã trình bày. Như vậy, ông P có tham gia các dây hụi như bà L đã trình bày do đó việc chơi hụi là có thật và số tiền nợ hụi còn lại là 1.120.000.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông P; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự trình bày ý kiến, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về hình thức:* Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn P trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

Về thủ tục tố tụng xét xử vắng mặt đương sự và người làm chứng:

Những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người làm chứng nêu trên.

[2]. *Về nội dung:* Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn P:

2.1. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng Biên bản số 05/BB-UBND ngày 06/10/2016 của Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận X không có hiệu lực do ông P không ký tên vào từng trang của biên bản. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, biên bản này do Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận X lập sau khi có Đơn thưa đề ngày 14/9/2016 của bà L yêu cầu giải quyết việc nợ tiền hụi. Biên bản được lập có đầy đủ thành phần tham dự, có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận X và có chữ ký xác nhận của ông P. Đến thời điểm hiện nay chưa có văn bản nào khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hủy bỏ Biên bản số 05/BB-UBND ngày 06/10/2016 của Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận X.

Theo nội dung Văn bản số 199/UBND ngày 22/6/2018 của Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận X thì: Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận X có nhận được đơn khiếu nại của ông Phạm Văn P yêu cầu hủy Biên bản số 05/BB-UBND ngày 06/10/2016. Sau khi kiểm tra, xác minh, trao đổi trực tiếp với ông P thì thấy việc ông P yêu cầu hủy bỏ Biên bản số 05/BB-UBND ngày 06/10/2016 của Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận X là không có cơ sở giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh việc có khiếu nại tiếp tục Biên bản số 05/BB-UBND ngày 06/10/2016 của Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận X. Như vậy, Biên bản số 05/BB-UBND ngày 06/10/2016 của Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận X là một trong những chứng cứ để Hội đồng

xét xử xem xét, giải quyết trong vụ án này theo quy định tại Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2.2. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn kháng cáo cho rằng trong 9 dây hui chỉ có dây hui ngày 20/5/2015 là ông P có tham gia, còn lại 08 dây hui là những dây hui ma (không có thật).

Hội đồng xét xử xét thấy: Qua việc tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm đại diện bị đơn không có chứng cứ gì chứng minh 08 dây hui còn lại là hui ma.

Ngoài ra: Tại Bản tự khai ngày 17/11/2016 (Bút lục số 101) ông P thừa nhận có tham gia chơi hui với bà L; Tại Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 09/01/2017 (*Bút lục 113-115*); Tại Biên bản đối chất ngày 13/3/2017 (*Bút lục số 118-119*) và tại Biên bản số 05/BB-UBND ngày 06/10/2016 của Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận X, ông P đều thừa nhận có chơi đủ 09 dây hui như nguyên đơn đã trình bày. Như vậy có căn cứ xác định ông P có tham gia 09 dây hui do bà L làm chủ hui bao gồm các dây hui: Dây hui thứ nhất, mở ngày 20/5/2015; Dây hui thứ 2 mở vào ngày 10/7/2015; Dây hui thứ 3 mở ngày 25/7/2015; Dây hui thứ 4 mở ngày 15/9/2015; Dây hui thứ 5 mở ngày 10/10/2015; Dây hui thứ 6 mở vào ngày 15/11/2015; Dây hui thứ 7 mở vào ngày 30/11/2015; Dây hui thứ 8 mở ngày 05/12/2015 và dây hui thứ 9 mở ngày 09/12/2015.

Như vậy việc đại diện bị đơn cho rằng 08 dây hui (*bao gồm: dây hui thứ 2 mở vào ngày 10/7/2015, dây hui thứ 3 mở ngày 25/7/2015, dây hui thứ 4 mở ngày 15/9/2015, dây hui thứ 5 mở ngày 10/10/2015, dây hui thứ 6 mở vào ngày 15/11/2015, dây hui thứ 7 mở vào ngày 30/11/2015, dây hui thứ 8 mở ngày 05/12/2015, dây hui thứ 9 mở ngày 09/12/2015*) là hui ma và không có thật là không có căn cứ chấp nhận.

2.3. Về số tiền nợ hui ông P còn phải thanh toán cho bà L:

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không thừa nhận cụ thể, rõ ràng trong từng dây hui ông P đã đóng được bao nhiêu tiền, số tiền đã nhận và số tiền còn nợ theo như lời trình bày của nguyên đơn,

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng số tiền nợ còn lại (nếu có) của các dây hui là 647.040.000 đồng.

- Tại Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 09/01/2017 thì ông P xác định tổng số tiền hiện còn nợ lại của các dây hui là 400.000.000 đồng và đã trả trước 30.000.000 đồng, hiện còn nợ lại là 370.000.000 đồng.

Như vậy, lời khai của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là khác nhau ở từng thời điểm và mâu thuẫn với nhau. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng không cung cấp được những tài liệu, chứng cứ nào chứng minh số tiền nợ hui còn lại.

Theo nội dung Biên bản số 05/BB-UBND ngày 06/10/2016 của Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận X, ông P trình bày: Có tham gia chơi hội tổng số tiền nợ hội là 1.120.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên không có khả năng trả tiền cho bà L nay chỉ trả được 400.000.000 đồng bằng hình thức sau: Ngày 02/11/2016, trả cho bà L 100.000.000 đồng, ngày 30 hàng tháng sẽ trả 5.000.000 đồng, ngày 30/12 hàng năm sẽ trả 20.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền còn lại. Tuy nhiên, bà L không đồng ý cho ông P trả dần số tiền nợ như ông P yêu cầu và đề nghị ông P trả một lần số tiền là 1.120.000.000 đồng.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng mà ông P khai rằng đã chuyển khoản cho bà L sau khi bà L khởi kiện để trả tiền hội và yêu cầu cản trừ nhưng không được phía nguyên đơn thừa nhận, đồng thời ông P cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho việc chuyển tiền này nên không có cơ sở để xem xét.

Do đó có căn cứ xác định số tiền nợ hội ông P còn nợ bà L là 1.120.000.000 đồng.

Từ những căn cứ trên chứng tỏ ông P tham gia giao dịch hội là có thật và thừa nhận đã nhận (hót) tiền hội nhưng không đóng lại tiền hội hàng tháng (còn gọi là hội chết) cho bà L là vi phạm nghĩa vụ của hội viên, bà L đã đóng phần tiền hội chết cho ông P. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

2.4. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu Tòa án triệu tập tất cả những người tham gia trong dây hội của bà L để lấy lời khai làm rõ về số tiền phải đóng trong dây hội, số tiền đã nhận và lãi suất của từng dây hội. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, từ những phân tích nêu trên, ông P có thừa nhận tham gia các dây hội của bà L và còn nợ số tiền hội là 1.120.000.000 đồng nên xét thấy không cần thiết triệu tập tất cả những người tham gia trong dây hội. Do đó, yêu cầu triệu tập tất cả những người tham gia trong dây hội là không cần thiết.

2.5. Đối với yêu cầu điều chỉnh lãi của đại diện bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như đã nhận định ở trên, việc ông P có chơi 09 dây hội do bà L làm chủ, ông P đã hót hết cả 09 dây và chưa đóng một số phần hội chết nên bà L phải đóng thay. Căn cứ khoản 3 Điều 16 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường về quyền của chủ họ: *“Yêu cầu thành viên không góp phần họ của mình phải hoàn trả phần họ trong trường hợp chủ họ đã góp thay cho thành viên đó”*. Số tiền hội 1.120.000.000 đồng là số tiền ông P chưa đóng của 09 dây hội do bà L đóng thay nay ông P phải hoàn trả nên không có căn cứ để điều chỉnh lãi như yêu cầu của bị đơn.

2.6. Về đề nghị được trả 400.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng của đại diện bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, do đại diện nguyên đơn không chấp nhận nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xác định: Ông P có tham gia giao dịch 09 dây hội khác nhau với bà L và đã nhận (hót) tiền hội nhưng không đóng lại tiền hội hàng tháng (còn gọi là hội chết) cho bà L là vi phạm nghĩa vụ của hội

viên, bà L đã đóng phần tiền hối chết cho ông P. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, họ, biểu, phường.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung vụ kiện là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí:

Ông P có đơn đề ngày 28/3/2018 yêu cầu giảm án phí do hoàn cảnh gia đình khó khăn, tuy nhiên căn cứ Điều 13, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử xét thấy ông P không thuộc trường hợp được giảm án phí. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu được giảm án phí của ông P.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo ông Phạm Văn P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 16 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, họ, biểu, phường;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13, khoản 6 Điều 15, khoản 1 Điều 29, khoản 2 Điều 47 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn P.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Thùy L.

Buộc ông Phạm Văn P có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Ngọc Thùy L số tiền nợ hối là 1.120.000.000 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi triệu đồng), trả một lần ngay khi án phát sinh hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 45.600.000 đồng.

Bà Nguyễn Ngọc Thùy L không phải chịu án phí, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.800.000 đồng theo biên lai thu số 0009219 ngày 03/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông Phạm Văn P đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0013162 ngày 16/8/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phạm Văn P đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành như án đã tuyên thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với khoản tiền và thời gian chậm thi hành án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Thor

Mai Thị Thanh Tú

Đào Quốc Thịnh